

Số: 3103/2025/CBTT-SBG
No: 3103/2025/CBTT-SBG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ho Chi Minh City dated March 31, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
To: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- The State Securities Commission
- Vietnam Stock Exchange
- Ho Chi Minh Stock Exchange

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tập đoàn Cơ Khí Công nghệ cao Siba
Name of company: Siba High-tech Mechanical Group Joint Stock Company
 - Mã chứng khoán: SBG
Ticker symbol: SBG
 - Địa chỉ: 99A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address: 99A1 Cong Hoa, Ward 4, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam
 - Điện thoại liên hệ: 0859646400
Telephone: 0859646400
 - E-mail: ir@siba.com.vn
- Nội dung thông tin công bố:
Disclosure Content:
 - BCTC hợp nhất năm 2024// Consolidated Financial Statement for 2024
 - BCTC riêng năm 2024// Separate Financial Statement for 2024
 - Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC riêng năm 2024 so với cùng kỳ// Explanation for Differences in Profit after taxes in the Separate Financial Statement for 2024 compared to the same period in 2023
 - Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC HN năm 2024 so với cùng kỳ// Explanation for Differences in Profit after taxes in the Consolidated Financial Statement for 2024 compared to the same period in 2023
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2025 tại đường dẫn <https://siba.com.vn/cong-bo-thong-tin>
This information has been published on company's website on March 31, 2025 at <https://siba.com.vn/cong-bo-thong-tin>
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.
We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information.

Tài liệu đính kèm/ Attachments:

- BCTC hợp nhất năm 2024// Consolidated Financial Statement for 2024
- BCTC riêng năm 2024// Separate Financial Statement for 2024
- Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC riêng năm 2024 so với cùng kỳ// Explanation for Differences in Profit after taxes in the Separate Financial Statement for 2024 compared to the same period in 2023
- Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC HN năm 2024 so với cùng kỳ// Explanation for Differences in Profit after taxes in the Consolidated Financial Statement for 2024 compared to the same period in 2023

Đại diện tổ chức

Representative

Người UQ CBTT

Person to Implement Disclosure of Information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Sign, specify Full name, position and stamp)



Đỗ Quốc Huy

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG
NGHỆ CAO SIBA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-3
Báo cáo kiểm toán	4-5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6-54
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>6-09</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024</i>	<i>10</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024</i>	<i>11-12</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2024</i>	<i>13-53</i>
Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	54

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 54).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Phú	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên	
Bà Phan Hồng Vân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Thành viên	
Ông Trần Ngọc Long	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Thảo	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Lê Thị Xuân Đức	Trưởng BKS	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Ông Đào Đức Tuấn	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Ông Trương Đức Nam	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Lệ Thương	Thành viên BKS	

Kiểm toán Viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Số : 1707.01.03/2024/BCTC - NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **Về Báo cáo tài chính năm 2024**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025 từ trang 06 đến trang 54, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNTK số: 0053-2023-124-1

Kiểm toán viên

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNTK số: 4497-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		732.001.574.119	926.670.571.520
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37.903.379.153	35.902.377.227
1. Tiền	111		37.903.379.153	35.902.377.227
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		476.095.473.233	616.838.873.678
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	321.361.503.464	467.842.137.267
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	59.359.069.652	64.564.068.428
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	96.836.813.815	84.432.667.983
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.461.913.698)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	198.844.189.254	242.908.871.370
1. Hàng tồn kho	141		201.718.463.708	242.908.871.370
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.874.274.454)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.158.532.479	31.020.449.245
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.147.514.360	658.016.354
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.011.018.119	30.362.432.891
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		286.769.048.253	341.006.027.669
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		915.108.470	735.494.795
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	915.108.470	735.494.795
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		171.293.931.066	183.246.722.277
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	160.186.096.032	171.346.177.229
Nguyên giá	222		191.990.099.229	191.486.579.229
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.804.003.197)	(20.140.402.000)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	1.184.304.334	809.540.148
Nguyên giá	225		1.589.074.408	1.011.925.185
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(404.770.074)	(202.385.037)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	9.923.530.700	11.091.004.900
Nguyên giá	228		11.674.742.000	11.674.742.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.751.211.300)	(583.737.100)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		72.301.687.956	62.876.763.402
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	72.301.687.956	62.876.763.402
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	38.000.000.000	88.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		38.000.000.000	88.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.258.320.761	6.147.047.195
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	4.258.320.761	6.147.047.195
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.018.770.622.372	1.267.676.599.189

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		440.031.724.076	849.036.150.794
I. Nợ ngắn hạn	310		395.209.478.902	734.443.815.055
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	175.234.241.311	509.553.166.380
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	69.563.457.642	92.141.237.483
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	7.393.954.650	1.948.593.397
4. Phải trả người lao động	314		6.365.818.990	2.540.641.587
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	15.238.796.482	33.779.566.587
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	129.519.399	991.689.783
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	121.283.690.428	93.488.919.838
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		44.822.245.174	114.592.335.739
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	36.653.318.043	114.592.335.739
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19	8.168.927.131	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

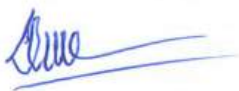
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		578.738.898.296	418.640.448.395
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	578.738.898.296	418.640.448.395
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		499.999.630.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		499.999.630.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(221.900.000)	79.824.500.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.961.168.296	88.815.948.395
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33.640.818.395	58.816.177.801
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45.320.349.901	29.999.770.594
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.018.770.622.372	1.267.676.599.189

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Trần Thị Thu Thảo

Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.141.669.449.779	3.657.072.622.842
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.141.669.449.779	3.657.072.622.842
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.051.879.135.676	3.567.707.133.123
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		89.790.314.103	89.365.489.719
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.762.515.156	945.006.303
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	21.414.223.096	20.824.503.527
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17.337.299.829	20.581.578.388
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	14.916.667.431	12.625.309.957
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	27.760.542.764	19.942.212.162
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.461.395.968	36.918.470.376
11. Thu nhập khác	31	VI.7	23.571.966.082	193.146.054
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.331.150.605	147.182.021
13. Lợi nhuận khác	40		21.240.815.477	45.964.033
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		52.702.211.445	36.964.434.409
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	7.381.861.544	6.964.663.815
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45.320.349.901	29.999.770.594

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Trần Thị Thu Thảo

Nguyễn Văn Đức



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		52.702.211.445	36.964.434.409
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		13.033.460.434	12.373.299.656
- Các khoản dự phòng	03		12.505.115.283	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.454.882.820	104.224.196
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(28.910.663.306)	(902.834.242)
- Chi phí lãi vay	06		17.337.299.829	20.581.578.388
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		69.122.306.505	69.120.702.407
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		190.512.435.772	725.264.121.786
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		41.190.407.662	180.985.807.072
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(367.429.032.412)	(932.674.719.862)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.399.228.428	484.146.873
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(23.466.111.321)	(15.500.452.019)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.216.697.109)	(6.700.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(90.887.462.475)	20.979.606.257
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(33.048.036.429)	(38.741.354.207)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		20.000.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(103.047.218.752)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		91.231.218.752	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		50.931.687.106	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.739.299.526	904.244.653
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.806.950.203	(37.837.109.554)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		114.778.100.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		323.497.744.302	98.033.429.108
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(358.022.880.500)	(118.878.202.726)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(171.449.604)	(171.449.604)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		80.081.514.198	(21.016.223.222)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.001.001.926	(37.873.726.519)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	35.902.377.227	73.776.103.746
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	37.903.379.153	35.902.377.227

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Thảo

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025
Tổng Giám đốc


Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ, sản xuất
3. **Khái quát về công ty**

Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313140100 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2015. Trong quá trình hoạt động, công ty đã 13 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về tên công ty, địa chỉ, chủ sở hữu và vốn điều lệ. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 số 0313140100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 12 năm 2024 về tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 13: 499.999.630.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2024: 499.999.630.000 VND

TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : 028.3811.0480
Mã số thuế : 0 3 1 3 1 4 0 1 0 0

4. **Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:
 - Thương mại nông sản;
 - Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại./.
5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng
6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**: Số liệu BCTC năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2023.
7. **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Không.
8. **Nhân viên**:
Tại ngày kết thúc năm tài chính Doanh nghiệp có 301 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 201 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty con cấp 1:

<i>Tên công ty (*)</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	Lô E9, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%	100%

Công ty con cấp 2:

<i>Tên công ty (*)</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần thương mại Stemkos Việt Nam	Số 1, ngõ Châu Long, phố Đặng Dung, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất điện	99,99%	99,99%	99,99%

(*) Các công ty hiện hoạt động bình thường trong lĩnh vực năng lượng mặt trời.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Doanh nghiệp. Việc kiểm soát đạt được khi Doanh nghiệp có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định hữu hình</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	08 – 35
Máy móc thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định thuê tài chính</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất khu Công nghiệp

Tiền thuê đất khu Công nghiệp phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 50 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

21. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	28.672.288	3.905.645.354
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.874.706.865	31.996.731.873
Cộng	37.903.379.153	35.902.377.227

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>175.251.129.762</i>	<i>21.533.144.428</i>
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	8.343.992.629	-
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bắc An Khánh	1.296.036.768	-
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Đông An Khánh	2.237.250.742	-
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	4.758.801.849	-
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	33.426.000	464.250.000
Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh	1.211.398.568	-
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	100.000.000	430.000.000
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	1.297.210.069	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 2	6.412.668.892	4.613.533.880
Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh	118.883.457.639	16.025.360.548
Công Ty TNHH Đầu Tư Nông Nghiệp Tân Châu	14.167.903.206	-
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Tâm Hưng	16.508.983.400	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>146.110.373.702</i>	<i>446.308.992.839</i>
Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Duy Phát	67.244.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi Greentech	41.890.288.126	-
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Số Một- Việt Nguyên	12.756.843.232	368.028.980
Công Ty Cổ Phần Chế Biến Và Xuất Nhập Khẩu Lâm Sản Nghệ An	20.000.000.000	-
Công ty CP Sản Xuất, Thương Mại Và Dịch Vụ Tân Mai	-	95.336.209.800
Công ty Cổ Phần Thăng Hoa	-	139.260.072.000
Công ty CP CBOT Việt Nam	-	200.361.787.100
Các khách hàng khác	4.219.242.344	10.982.894.959
Cộng	321.361.503.464	467.842.137.267

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	7.863.747.150	3.890.503
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	-	3.890.503
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	7.863.747.150	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	51.495.322.502	64.560.177.925
Công ty TNHH Nhà Thép Trí Việt	-	7.432.126.047
Công ty Cổ phần Kỹ thuật First Green	2.262.422.018	-
Savagnini Italia S.P.A (*)	37.561.571.500	37.561.571.500
BD AGRICULTURE (MALAYSIA)	-	2.775.796.840
Các nhà cung cấp khác	11.671.328.984	16.790.683.538
Cộng	59.359.069.652	64.564.068.428

(*) Theo hợp đồng số VNM-ZKA-2022-0001\4 ngày 23/12/2022, giữa công ty và Savagnini Italia S.P.A về việc mua máy móc thiết bị sản xuất. Công ty ứng trước 20% tổng giá trị hợp đồng là 6.730.000 EUR, số tiền tạm ứng là 1.274.000 EUR, tương đương 37.561.571.500 VND, trong tháng 10/2022 sẽ giao hàng. Tuy nhiên, do điều chỉnh phiên bản máy mới nên đến ngày 31/12/2024 lô hàng này chưa được bàn giao. Theo phụ lục số 02 ngày 25/02/2025, hai bên đã thỏa thuận ngày bàn giao mới là trong tháng 7/2025

4. Các khoản phải thu khác**a) Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	96.836.813.815	-	84.432.667.983	-
Ký cược, ký quỹ (*)	95.249.000.000	-	84.097.000.000	-
Tạm ứng	299.938.902	-	264.689.999	-
Tiền thuế GTGT tài sản thuê tài chính	77.365.689	-	50.799.880	-
Lãi tiền gửi	1.023.215.630	-	-	-
Phải thu khác	187.293.594	-	20.178.104	-
Cộng	96.836.813.815	-	84.432.667.983	-

(*) Là khoản cầm cố, ký quỹ bằng tiền gửi ngân hàng để đảm bảo thực hiện hợp đồng các công trình xây lắp cho các khách hàng như sau:

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam có số dư là: 9.199.000.000 VND.

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai có số dư là: 7.500.000.000 VND.

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có số dư là: 76.006.000.000 VND.

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có số dư là: 2.443.000.000 VND.

+ Các khoản ký quỹ khác: 101.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>915.108.470</i>	-	<i>735.494.795</i>	-
Cầm cố, ký quỹ	915.108.470	-	735.494.795	-
Cộng	915.108.470	-	735.494.795	-

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	-	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.461.913.698)	-	(1.461.913.698)
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Số cuối năm	(1.461.913.698)	-	(1.461.913.698)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	121.846.494.028	-	123.143.159.542	-
Công cụ, dụng cụ	8.986.939.872	-	10.901.573.947	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	63.329.706.620	-	102.076.363.210	-
Thành phẩm	1.130.611.321	-	604.819.432	-
Hàng hóa	6.274.335.964	(2.874.274.454)	6.182.955.239	-
Hàng gửi đi bán	150.375.903	-	-	-
Cộng	201.718.463.708	(2.874.274.454)	242.908.871.370	-

7. Chi phí trả trước**a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	204.203.204	288.500.525
Chi phí bảo hiểm	93.407.154	93.496.935
Chi phí sửa chữa	556.700.909	-
Chi phí phần mềm, thuê máy chủ	222.494.150	207.109.080
Chi phí thuê văn phòng	22.943.667	10.540.000
Chi phí khác	47.765.276	58.369.814
Cộng	1.147.514.360	658.016.354

b) Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	2.122.783.531	2.171.489.846
Công cụ dụng cụ	557.912.964	765.022.572
Chi phí thi công văn phòng	1.105.036.614	1.348.488.090
Chi phí trả trước dài hạn Nhà máy Bạc Liêu	448.258.409	1.793.033.603
Bảo hiểm	614.923	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	23.714.320	69.013.084
Cộng	4.258.320.761	6.147.047.195

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	55.716.664.542	129.492.977.443	6.086.770.880	190.166.364	191.486.579.229
Mua trong năm	-	373.000.000	-	130.520.000	503.520.000
Số cuối năm	55.716.664.542	129.865.977.443	6.086.770.880	320.686.364	191.990.099.229
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	88.635.000	128.366.364	63.636.364	280.637.728
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.699.717.343	14.656.568.935	1.659.898.549	124.217.173	20.140.402.000
Khấu hao trong năm	2.228.617.101	8.696.733.570	706.888.668	31.361.858	11.663.601.197
Số cuối năm	5.928.334.444	23.353.302.505	2.366.787.217	155.579.031	31.804.003.197
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	52.016.947.199	114.836.408.508	4.426.872.331	65.949.191	171.346.177.229
Số cuối năm	49.788.330.098	106.512.674.938	3.719.983.663	165.107.333	160.186.096.032

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 184.831.244.101 VND và giá trị còn lại 155.729.557.737 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
Thuê tài chính trong năm	-	577.149.223	577.149.223
Số cuối năm	432.000.000	1.157.074.408	1.589.074.408
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	86.400.000	115.985.037	202.385.037
Khấu hao trong năm	86.400.000	115.985.037	202.385.037
Số cuối năm	172.800.000	231.970.074	404.770.074
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	345.600.000	463.940.148	809.540.148
Số cuối năm	259.200.000	925.104.334	1.184.304.334

10. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	11.674.742.000	(583.737.100)	11.091.004.900
Tăng trong năm	-	(1.167.474.200)	(1.167.474.200)
Số cuối năm	11.674.742.000	(1.751.211.300)	9.923.530.700

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Ghi giảm (Thanh lý dự án)	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	62.876.763.402	23.313.813.442	-	(13.888.888.888)	72.301.687.956
Công trình: "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" (1)	48.987.874.514	23.313.813.442	-	-	72.301.687.956
Công trình: "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Nghệ An" (2)	13.888.888.888	-	-	(13.888.888.888)	-
Cộng	62.876.763.402	23.313.813.442	-	(13.888.888.888)	72.301.687.956

(1) Là chi phí xây dựng dự án " Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8353128311 ngày 01/03/2022 của Ban quản lý các khu công nghệ Bà Rịa-Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ 01 ngày 12/04/2024 thời gian dự án vận hành, sản xuất kinh doanh là tháng 05/2025. Hiện dự án đang trong giai đoạn xây dựng.

(2) Theo hợp đồng mua bán tài sản ngày 02/07/2024 giữa công ty và Công ty Cổ phần chế biến và xuất khẩu Lâm Sản Nghệ An. Công ty đồng ý chuyển nhượng các tài sản trên đất tại Công trình."Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Nghệ An" với tổng giá trị chuyển nhượng là 40.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA
Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	38.000.000.000	-	38.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu (1)	38.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (2)	-	-	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dầu tư Xây dựng Sibacons (3)	-	-	48.000.000.000	-
Cộng	38.000.000.000	-	88.000.000.000	-
				88.000.000.000

(1) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1900665908 ngày 24 tháng 08 năm 2020. Theo nghị quyết theo đó Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, đương đương số tiền 38.000.000.000 VNĐ. Công ty hiện hoạt động bình thường trong lĩnh vực năng lượng mặt trời.

(2) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1402149837 ngày 22 tháng 09 năm 2020, theo đó Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, đương đương số tiền 20.000.000.000 VNĐ. Theo nghị quyết HĐQT số 01/2024/QĐ-HĐQT của Công ty Cổ phần tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba ngày 20/05/2024, thực hiện các thủ tục giải thể Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp, hiện tại công ty đã thực hiện xong các thủ tục để giải thể công ty.

(3) Theo hợp đồng số 0506/2024/HĐCNCP ngày 05/06/2024 Công ty đã thực hiện chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons. Số lượng cổ phần chuyển nhượng là 4.800.000 cổ phần, giá trị chuyển nhượng là 48.000.000.000 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>60.074.670</i>	<i>603.063.769</i>
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	60.074.670	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long tại Đồng Tháp	-	603.063.769
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>175.174.166.641</i>	<i>508.950.102.611</i>
Jiangsu Huali	38.266.752.052	24.485.755.458
BD AGRICULTURE (MALAYSIA)	16.642.899.361	-
DaeWon I&D	13.146.500.520	-
Big Herdsman Machinery	14.334.111.000	-
Công ty Cổ Phần Nông Sản Sông Lam	-	186.013.989.100
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Kiến Nông	-	122.786.193.200
Công ty Cổ Phần Nông Sản BIVC Quốc Tế	-	48.860.663.750
Các nhà cung cấp khác	92.783.903.708	126.803.501.103
Cộng	175.234.241.311	509.553.166.380

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>19.218.947.522</i>	<i>60.893.987.483</i>
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	-	6.171.408.223
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại Xanh 1	-	1.327.916.146
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	-	11.923.454.335
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	-	485.335.818
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	-	885.366.240
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	6.672.053.139	15.328.410.573
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	-	140.878.754
Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Tâm Hưng	-	7.592.830.440
Công Ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Sông Hình	9.588.221.650	650.000.000
Công Ty TNHH Đầu Tư Nông Nghiệp Tân Châu	-	4.954.343.340
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	2.958.672.733	11.434.043.614
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>50.344.510.120</i>	<i>31.247.250.000</i>
Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi Greentech	-	24.640.000.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Chăn Nuôi Cư Jút	-	6.600.000.000
Công Ty TNHH Đầu Tư Chăn Nuôi Hưng Phú	15.029.888.330	-
Công Ty TNHH Xây Dựng Huy Phong Phát	13.823.612.910	-
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	15.902.476.160	-
Công Ty TNHH Chăn Nuôi Minh Phú	5.428.942.400	-
Các khách hàng khác	159.590.320	7.250.000
Cộng	69.563.457.642	92.141.237.483

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	1.447.219.369	(1.447.219.369)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.860.829.179	(2.860.829.179)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	390.050.096	(390.050.096)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.899.461.173	-	7.381.861.544	(2.216.697.109)	7.064.625.608	-
Thuế thu nhập cá nhân	49.132.224	-	641.782.600	(361.585.782)	329.329.042	-
Các loại thuế khác	-	-	72.095.299	(72.095.299)	-	-
Cộng	1.948.593.397	-	12.793.838.087	(7.348.476.834)	7.393.954.650	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo từng loại hình như sau:

Nông sản, khung chuồng heo

Không chịu thuế

Các dịch vụ, hàng hóa khác

10%; 8%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	6.259.699.037
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS - Lãi vay	-	5.137.369.307
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu - Lãi vay	-	639.080.111
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp - Lãi vay	-	483.249.619
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	15.238.796.482	27.519.867.550
Phải trả lãi vay	1.003.730.978	1.469.014.210
Tiền thuê đất	-	9.374.760.850
Chi phí phải trả hàng hóa công trình	14.235.065.504	16.676.092.490
Cộng	15.238.796.482	33.779.566.587

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	49.734.544	495.139.317
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS - Lãi vay	-	19.768.769
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp - Lãi vay	-	475.370.548
Công ty Cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh - Thu hộ	6.774.412	-
Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hình - Thu hộ	42.960.132	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	79.784.855	496.550.466
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	15.056.928
Kinh phí công đoàn	52.020.870	133.135.873
Bảo hiểm xã hội	-	275.195.745
Bảo hiểm y tế	-	48.563.955
Bảo hiểm thất nghiệp	-	21.583.980
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	27.763.985	3.013.985
Cộng	129.519.399	991.689.783

18. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối năm				Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn						
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan						
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Đồng Tháp	-	-	26.848.338.000	26.848.338.000		
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Bạc Liêu	-	-	15.977.002.800	15.977.002.800		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS	-	-	10.651.335.200	10.651.335.200		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	-	-	220.000.000	220.000.000		
Vay ngắn hạn ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	121.283.690.428	121.283.690.428	66.640.581.838	66.640.581.838		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (1)	101.028.386.428	101.028.386.428	46.385.277.838	46.385.277.838		
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (2)	-	-	5.980.191.588	5.980.191.588		
Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai (3)	3.165.994.988	3.165.994.988	-	-		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (4)	5.612.509.988	5.612.509.988	-	-		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (5)	24.983.304.106	24.983.304.106	-	-		
Vay dài hạn đến hạn trả	18.580.000.000	18.580.000.000	-	-		
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên	48.686.577.346	48.686.577.346	40.405.086.250	40.405.086.250		
Cộng	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000		
	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000		
	121.283.690.428	121.283.690.428	93.488.919.838	93.488.919.838		

- (1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 216/2024-HDCVHM/NHCT902-SIBA ngày 18/11/2024. Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 VND, thời gian 12 tháng, mục đích sử dụng là để bổ sung vốn lưu động, lãi suất được quy định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bởi quyền đòi nợ và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng cung cấp hàng và lắp đặt thiết bị số 01/2023/HDKT-CUJUT-SIBA ngày 03/10/2023 và phụ lục hợp đồng ngày 08/01/2024. Giá trị của tài sản thế chấp là 53.400.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 07/2024/HĐBĐ/NHCT902-SIBA ngày 10/01/2024 và các hợp đồng tiền gửi giá trị 2.443.000.000 VND.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số TBN2022530494 ngày 15/06/2022, Phụ lục số TBN2022530494/HĐCTD/PLHM-1799174 ngày 17/04/2024 . Hạn mức cấp tín dụng là 190.000.000.000 VND, thời gian 12 tháng đến ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17/04/2025. Mục đích sử dụng là để bổ sung vốn lưu động, lãi suất được quy định cụ thể trên giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng thi công công trình xây dựng của Công ty ký với đối tác và các hợp đồng tiền gửi giá trị 9.199.000.000 VND.

- (3) Là khoản vay Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn E.SUN - Chi nhánh Đồng Nai theo thỏa thuận tín dụng số 10001084LD001202491 ngày 15/11/2024. Hạn mức vay là 50.000.000.000 VND, thời hạn 01 năm, lãi suất được quy định cụ thể trên từng lần đại ngân. Khoản vay được đảm bảo bởi các Hợp đồng tiền gửi với tổng giá trị tương đương 30% tổng dư nợ vay tại Ngân hàng. Giá trị các hợp đồng tiền gửi thế chấp tại thời điểm 31/12/2024 là 7.500.000.000 VND.
- (4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0003/2024/HDHM-PN/SHB.11150 ngày 10/01/2024. Giá trị cấp hạn mức là 80.000.000.000 VND, thời gian 12 tháng, mục đích sử dụng là để bổ sung vốn lưu động, lãi suất được quy định cụ thể trên giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là:
- + Công trình xây dựng trên đất Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO tại Bạc Liêu. Giá trị của tài sản là 45.858.000.000 VND theo biên bản định giá ngày 10/01/2024.
 - + Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, các loại thiết bị phụ tùng thuộc dự án Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao. Giá trị của tài sản là 85.443.000.000 VND theo biên bản định giá ngày 10/01/2024.
- (5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1290/2024/6965706/HĐTD ngày 30/05/2024. Hạn mức cho vay tối đa là 200.000.000.000 VND trong đó đã bao gồm dư nợ vay ngắn hạn của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2271/6965706/HĐTD ngày 03 tháng 11 năm 2023. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 30/05/2025. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động, lãi suất được quy định cụ thể trên giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là Hàng tồn kho, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp ngày 03/11/2023 và các hợp đồng tiền gửi giá trị 76.006.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác					
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Đồng Tháp	15.977.002.800	-	-	(15.977.002.800)	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Bạc Liêu	10.651.335.200	-	-	(10.651.335.200)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS	220.000.000	350.000.000	-	(570.000.000)	-
Vay ngắn hạn ngân hàng					
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	5.980.191.588	5.035.913.087	-	(11.016.104.675)	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	27.019.192.052	-	(23.853.197.064)	3.165.994.988
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	10.103.690.371	-	(4.491.180.383)	5.612.509.988
Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai	-	24.983.304.106	-	-	24.983.304.106
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	-	29.761.115.421	-	(11.181.115.421)	18.580.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	40.405.086.250	226.244.529.265	-	(217.963.038.169)	48.686.577.346
Vay dài hạn đến hạn trả					
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên	20.255.304.000	-	20.265.432.881	(20.265.432.881)	20.255.304.000
Cộng	93.488.919.838	323.497.744.302	20.265.432.881	(315.968.406.593)	121.283.690.428



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 AI Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS	-	-	58.031.476.707	58.031.476.707
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Vay dài hạn ngân hàng	36.653.318.043	36.653.318.043	56.560.859.032	56.560.859.032
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên (1)	35.609.627.755	35.609.627.755	55.875.060.636	55.875.060.636
Nợ thuê tài chính	35.609.627.755	35.609.627.755	55.875.060.636	55.875.060.636
	1.043.690.288	1.043.690.288	685.798.396	685.798.396
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	514.348.792	514.348.792	685.798.396	685.798.396
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	529.341.496	529.341.496	-	-
Cộng	36.653.318.043	36.653.318.043	114.592.335.739	114.592.335.739

(1) Là khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba theo hợp đồng số 0006/2020/HĐTCTD-PN/SIB.111500 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên. Số tiền cho vay: 147.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bảy tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay, mở L/C nhập khẩu Máy móc thiết bị (MMTB), bảo lãnh phục vụ đầu tư dự án: “Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao” tại Khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo gồm:

+ Tài sản bảo đảm 1: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là: Toàn bộ các công trình xây dựng là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao VMECO được xây dựng tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 23 tại Khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích lô đất sử dụng: 14.100,91 m² (Bằng chữ: Mười bốn nghìn một trăm phẩy chín mốt mét vuông) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 002425; do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 26/06/2019. Giá trị định giá: 60.893.000.000 đồng theo biên bản xác định giá trị bất động sản ngày 12/02/2020.

+ Tài sản bảo đảm 2: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là toàn bộ hệ thống MMTB dây chuyền sản xuất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0006/2020/HĐTCTL-PN/SIB.111500 ngày 14/02/2020. Giá trị tài sản thế chấp là 161.285.484.582 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan					
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS	58.031.476.707	-	(58.031.476.707)	-	-
Vay dài hạn ngân hàng					
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Thành Phố Hồ Chí Minh	55.875.060.636	-	-	(20.265.432.881)	35.609.627.755
Nợ thuê tài chính					
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tê Chailease	685.798.396	-	(171.449.604)	-	514.348.792
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	-	529.341.496	-	-	529.341.496
Cộng	114.592.335.739	529.341.496	(58.202.926.311)	(20.265.432.881)	36.653.318.043

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	8.168.927.131	-	-	8.168.927.131
Cộng	-	8.168.927.131	-	-	8.168.927.131

20. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	250.000.000.000	79.824.500.000	58.816.177.801	388.640.677.801
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	29.999.770.594	29.999.770.594
Số dư cuối năm trước	250.000.000.000	79.824.500.000	88.815.948.395	418.640.448.395
Số dư đầu năm nay	250.000.000.000	79.824.500.000	88.815.948.395	418.640.448.395
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	54.999.830.000	-	(54.999.830.000)	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	115.000.000.000	(221.900.000)	-	114.778.100.000
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông	79.999.800.000	(79.824.500.000)	(175.300.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	45.320.349.901	45.320.349.901
Số dư cuối năm này	499.999.630.000	(221.900.000)	78.961.168.296	578.738.898.296

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Siba Holdings	278.000.000.000	55,60%	139.000.000.000	55,60%
Ông Nguyễn Văn Đức	23.332.060.000	4,67%	15.150.000.000	6,06%
Các đối tượng khác	198.667.570.000	39,73%	95.850.000.000	38,34%
Cộng	499.999.630.000	100%	250.000.000.000	100%

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.999.963	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49.999.963	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	49.999.963	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.999.963	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	49.999.963	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	49.999.963	25.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	2.284.758.545.550	3.078.950.220.300
Doanh thu cung cấp dịch vụ, thành phẩm	856.910.904.229	578.122.402.542
Cộng	3.141.669.449.779	3.657.072.622.842

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	32.444.510.122	1.906.188.500
Chi Nhánh Công ty CP Nông Nghiệp BAF Việt Nam Tại Nghệ An	-	1.025.901.000
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	12.702.607.215	1.348.013.103
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	11.065.631.783	120.569.018.088
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	31.021.033.135	2.472.840.000
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	33.442.533.111	94.057.913.738
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	312.528.753.833	136.979.028.395
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	4.192.116.100	107.765.496.456
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	4.508.730.200	38.395.739.277
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	16.675.170.339	2.042.974.664
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	-	619.000.000
Công Ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Vi Sinh Baf	1.418.142.567	-
Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hình	8.254.522.156	-
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	2.133.424.814	37.400.000
Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu	62.328.950.294	-
Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Tâm Hưng	84.267.880.758	-
Cộng	617.284.006.427	507.519.513.221

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.279.676.146.000	3.069.119.647.266
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	761.159.788.091	498.587.485.857
Dự phòng bảo hành công trình	8.168.927.131	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.874.274.454	-
Cộng	3.051.879.135.676	3.567.707.133.123

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, ký quỹ	4.670.026.626	902.834.242
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.092.488.530	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	41.824.311
Doanh thu tài chính khác	-	347.750
Cộng	<u>5.762.515.156</u>	<u>945.006.303</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	17.337.299.829	20.581.578.388
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.622.040.447	138.700.943
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.454.882.820	104.224.196
Cộng	<u>21.414.223.096</u>	<u>20.824.503.527</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.779.890.588	10.923.206.104
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	421.144.507	113.931.677
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.100.674	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.471.860.149	932.857.269
Các chi phí khác	205.671.513	655.314.907
Cộng	<u>14.916.667.431</u>	<u>12.625.309.957</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.403.142.836	8.264.505.123
Chi phí đồ dùng văn phòng	609.440.606	420.223.787
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.543.678.184	936.671.805
Thuế, phí và lệ phí	1.631.882.691	1.337.418.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.602.114.187	7.116.338.679
Các chi phí khác	2.970.284.260	1.867.053.865
Cộng	<u>27.760.542.764</u>	<u>19.942.212.162</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	23.148.148.150	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	260.252.783	121.257.877
Xử lý công nợ	25.624.765	14.767.731
Thu nhập khác	137.940.384	57.120.446
Cộng	23.571.966.082	193.146.054

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Nộp kinh phí công đoàn bổ sung các năm trước	456.385.100	-
Các khoản ủng hộ	343.510.000	-
Thuế bị phạt, bị truy thu, chậm nộp	65.187.882	20.783.939
Hàng tồn kho thiếu sau kiểm kê	1.346.116.150	2.820.959
Xử lý công nợ	15.794.709	120.021.535
Chi phí khác	104.156.764	3.555.588
Cộng	2.331.150.605	147.182.021

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52.702.211.445	36.964.434.409
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.825.135.695	1.210.661.488
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.825.135.695	1.210.661.488
<i>Chi phí phạt vi phạm hành chính, thuế, chậm nộp</i>	<i>65.187.882</i>	<i>20.783.939</i>
<i>Xử lý công nợ</i>	<i>15.794.709</i>	<i>120.021.535</i>
<i>Nộp kinh phí công đoàn bổ sung các năm trước</i>	<i>456.385.100</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản ủng hộ</i>	<i>343.510.000</i>	<i>-</i>
<i>Các chi phí không hợp lệ khác</i>	<i>1.944.258.004</i>	<i>1.069.856.014</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	55.527.347.140	38.175.095.897
<i>Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 17%</i>	<i>32.379.198.992</i>	<i>3.421.916.005</i>
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động bất động sản chịu thuế suất 20%</i>	<i>23.148.148.148</i>	<i>-</i>
<i>Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%</i>	<i>-</i>	<i>34.753.179.892</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>10.134.093.458</i>	<i>7.532.361.699</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	<i>(2.752.231.914)</i>	<i>(581.725.721)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>7.381.861.544</i>	<i>6.950.635.978</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>-</i>	<i>14.027.837</i>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	7.381.861.544	6.964.663.815

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	371.814.036.449	241.544.457.787
Chi phí nhân công	40.127.555.984	36.642.641.386
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.033.460.434	12.373.299.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	337.200.274.397	241.506.071.071
Chi phí khác	3.440.806.321	2.787.219.320
Cộng	765.616.133.585	534.853.689.220

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bù trừ thu hồi khoản đầu tư với tiền cho vay	15.977.002.800	-
Bù trừ thu hồi khoản đầu tư với phải trả lãi vay	1.091.310.094	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Trong kỳ đơn vị không phát sinh giao dịch với bên liên quan là các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan không còn số dư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Trần Ngọc Long	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Phan Hồng Vân	Thành viên HĐQT	-	60.000.000
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	649.922.771	611.796.001
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	356.012.550	349.628.043
Ông Trương Đức Nam	Thành viên BKS	30.000.000	-
Bà Trần Thị Thu Thảo	Kế toán trưởng	281.365.694	206.252.882
Bà Lê Thị Xuân Đức	Trưởng ban kiểm soát (Đã miễn nhiệm)	-	328.487.076
Ông Đào Đức Tuấn	Trưởng ban kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thương	Thành viên BKS	30.000.000	30.000.000
Cộng		1.557.301.015	1.736.164.002

b. Giao dịch với bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần SIBA HOLDINGS	Công ty mẹ
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	Ông Trương Sỹ Bá là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Siba Holdings đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đẳng Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	Công ty cùng Tập đoàn
Chi Nhánh Công ty CP Nông Nghiệp BAF Việt Nam Tại Nghệ An	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Tâm Hưng	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phân bón hữu cơ vi sinh BAF	Công ty cùng Tập đoàn

Các giao dịch phát sinh giữa công ty với các bên liên quan khác trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1		
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	3.869.699.049	12.259.249.584
Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	13.541.607.824	1.455.854.152
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	330.000.000	330.000.000
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	338.402.159	165.000.000
Phải thu về tiền lãi cho vay		639.080.111
Phải trả về mua hàng hóa	665.605.761	585.771.060
Trả tiền mua hàng hóa	280.042.747	695.050.665
Bù trừ công nợ	321.597.841	-
Phải trả về tiền lãi cho vay	565.878.785	-
Trả tiền lãi vay	1.199.544.336	-
Cần trừ tiền chi hộ với phải trả lãi vay	5.414.560	-
Phải trả tiền thu hộ	5.414.560	
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.836.457.313	2.055.191.700
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.180.099.879	16.975.062.273
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.828.794.744	2.698.896.100
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.898.584.672	8.215.804.323
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	11.746.332.070	130.933.066.384
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	9.947.197.058	130.178.410.043
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bắc An Khánh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	34.357.011.058	103.141.162.730
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	21.137.519.955	96.564.617.065
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Đông An Khánh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	4.340.362.838	117.341.322.785
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	1.617.776.278	108.032.581.628
Chi Nhánh Công ty CP Nông Nghiệp BAF Việt Nam Tại Nghệ An		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	-	1.128.491.100
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	-	1.128.491.100
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long		
Phải trả về mua hàng hóa	888.845.032.900	1.146.627.760.650
Trả tiền mua hàng hóa	896.708.780.050	1.146.627.384.000
Phải thu tiền bán cổ phần công ty con	48.000.000.000	-
Thu tiền bán cổ phần công ty con	48.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	331.497.009.065	149.051.139.932
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	228.470.203.371	104.107.615.915
Bù trừ công nợ	168.708.603	-
Phải trả về thu hộ	175.483.015	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	4.572.101.756	40.591.394.539
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	2.475.336.948	27.271.808.953
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons		
Góp vốn	-	-
Phải thu tiền chi hộ	-	47.405.500
Thu tiền chi hộ	-	64.813.270
Bù trừ công nợ với phải trả tiền vay	-	-
Trả tiền vay	-	5.700.000.000
Phải trả tiền vay	-	4.405.000.000
Phải trả tiền lãi vay	-	3.545.971.409
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp		
Phải trả về tiền lãi vay	-	958.620.167
Phải thu tiền cổ tức khi giải thể công ty	1.092.488.530	-
Thu tiền cổ tức khi giải thể công ty	1.092.488.530	-
Bù trừ thu hồi khoản đầu tư với phải trả lãi vay	1.091.310.094	-
Phải thu giá trị khoản đầu tư do giải thể công ty	20.000.000.000	-
Thu tiền khoản đầu tư do công ty giải thể	2.931.687.106	-
Bù trừ thu hồi khoản đầu tư với tiền cho vay	15.977.002.800	-
Phải trả về tiền lãi vay	367.689.927	-
Trả tiền lãi cho vay	235.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	16.630.638.729	2.206.412.637
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	8.155.267.848	13.640.456.251
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.181.687.279	41.140.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	743.598.456	182.018.754
Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.493.237.318	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.370.990.772	4.954.343.340
Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Tâm Hưng		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	86.402.004.579	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	62.300.190.739	7.592.830.440
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	668.520.000
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	430.824.000	-
Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hình		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.914.883.929	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.853.105.579	650.000.000
Phải trả về thu hộ	42.960.132	-
Công Ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Vi Sinh Baf		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.897.428.228	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.897.428.228	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long tại Đồng Tháp		
Trả tiền mua hàng hóa	603.063.769	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh V.2; V.3; V.12; V.13; V.14; V.16; V.17; V.18.

2. Thông tin bộ phận**A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

+ Lĩnh vực thương mại;

+ Lĩnh vực cơ khí;

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA
Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực cơ khí	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.284.758.545.550	856.910.904.229	3.141.669.449.779
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.284.758.545.550	856.910.904.229	3.141.669.449.779
Chi phí bộ phận	2.279.676.146.000	772.202.989.676	3.051.879.135.676
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.082.399.550	84.707.914.553	89.790.314.103
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			42.677.210.195
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			47.113.103.908
Doanh thu hoạt động tài chính			5.762.515.156
Chi phí tài chính			21.414.223.096
Thu nhập khác			23.571.966.082
Chi phí khác			2.331.150.605
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			7.381.861.544
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			45.320.349.901
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác phân bổ cho hoạt động	-	24.483.826.287	24.483.826.287
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	15.588.679.713	15.588.679.713

HỒ CHÍ MINH
TÀI CHÍNH
40
G
H
N
G
H
B
H

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực cơ khí	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	82.241.123.258	825.120.852.546	907.361.975.804
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			111.408.646.568
Tổng tài sản			1.018.770.622.372
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	267.201.691.588	267.201.691.588
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			172.830.032.488
Tổng nợ phải trả			440.031.724.076
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	441.141.024.139	653.619.023.584	1.094.760.047.723
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			172.916.551.466
Tổng tài sản			1.267.676.599.189
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	357.660.846.050	260.709.650.303	618.370.496.353
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			230.665.654.441
Tổng nợ phải trả			849.036.150.794

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

B, Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	121.283.690.428	36.653.318.043	-	157.937.008.471
Phải trả người bán	175.234.241.311	-	-	175.234.241.311
Các khoản phải trả khác	21.734.134.871	-	-	21.734.134.871
Cộng	318.252.066.610	36.653.318.043	-	354.905.384.653
Số đầu năm				
Vay và nợ	93.488.919.838	114.592.335.739	-	208.081.255.577
Phải trả người bán	509.553.166.380	-	-	509.553.166.380
Các khoản phải trả khác	37.311.897.957	-	-	37.311.897.957
Cộng	640.353.984.175	114.592.335.739	-	754.946.319.914

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.903.379.153	35.902.377.227	37.903.379.153	35.902.377.227
Phải thu khách hàng	319.899.589.766	467.842.137.267	319.899.589.766	467.842.137.267
Các khoản phải thu khác	97.751.922.285	85.168.162.778	97.751.922.285	85.168.162.778
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	38.000.000.000	88.000.000.000	38.000.000.000	88.000.000.000
Cộng	493.554.891.204	676.912.677.272	493.554.891.204	676.912.677.272
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	157.937.008.471	208.081.255.577	157.937.008.471	208.081.255.577
Phải trả người bán	175.234.241.311	509.553.166.380	175.234.241.311	509.553.166.380
Các khoản phải trả khác	21.734.134.871	37.311.897.957	21.734.134.871	37.311.897.957
Cộng	354.905.384.653	754.946.319.914	354.905.384.653	754.946.319.914

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7.

Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Thảo

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng ngắn hạn	-	1.461.913.698	1.461.913.698	-	7.806.369.738	-
Công ty TNHH Sản Xuất và Dịch Vụ Tổng Hợp DHA	Khó có khả năng thu hồi	563.608.744	563.608.744	Quá hạn trên 1 năm	6.908.064.784	-
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XÂY DỰNG DŨNG TIẾN VÀ CỘNG SỰ	Khó có khả năng thu hồi	898.304.954	898.304.954	Quá hạn trên 6 tháng đến 1 năm	898.304.954	-
Cộng		1.461.913.698	1.461.913.698		7.806.369.738	-

